

Lee Jang-dol

Trần Thanh Hương dịch





Foreword

"Ơ, đoạn này hay chưa này, mẹ nghe nhé!" "Haha, truyện này buồn cười thế!" Cô con gái nhỏ của tôi cứ luôn miệng ríu rít khi lật giở từng trang trong một cuốn **Reader's Bank**. Tối bữa cơm chiều, con bé lại kể với bố về bạn Jimmy chơi kèn dờ đến nỗi mẹ phải cho bạn ấy một xu để đừng thổi nữa, về những loài vật biết soi gương, về nguồn gốc của bánh pizza... Những thông tin thú vị đó lại mở ra những chuyện trò khác trong gia đình. Bài đọc tiếng Anh lúc này không chỉ là cách giúp con học ngoại ngữ một cách tự nhiên nhất mà còn mang tới những "cái cớ" hết sức dễ thương để mẹ con tôi tâm sự, để tôi dễ dàng bước vào thế giới của con. Đó là những gì tôi đã cảm nhận được khi cùng con trải nghiệm bộ sách **Reader's Bank**.

Hẳn là chúng ta đều từng nghe về những lợi ích to lớn của việc đọc và nghe sách truyện tiếng Anh khi học ngoại ngữ. Các câu chuyện thú vị và kiến thức bổ ích không chỉ mang tới niềm vui và sự hào hứng trong suốt hành trình học tập, mà còn giúp các con phát triển tư duy, trí tưởng tượng, tư duy phân biện, biết dùng từ và cấu trúc câu thật tự nhiên theo ngữ cảnh. Các hoạt động đóng vai, đọc diễn cảm, hay thảo luận về nội dung bài đọc thường đem lại sự tự tin và phát triển khả năng nói trôi chảy. Mặc dù nhận thức được những ưu điểm đó, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng dễ dàng tìm được những nguồn tài liệu đọc hiểu vừa phù hợp với năng lực tiếng Anh, vừa đi kèm các hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tư duy.

Reader's Bank đã kết nối thành công việc đọc, nghe tiếng Anh với các hoạt động khai thác bài đọc, từ đó giúp các con phát triển năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả và đầy hứng khởi. Với các bài đọc ngắn có độ khó tương ứng với từng trình độ, chủ đề phong phú và hấp dẫn, những câu hỏi và bài tập linh hoạt, đa dạng, bộ sách **Reader's Bank** hứa hẹn mang tới cho các em những giờ đọc sách thật vui và bổ ích.

Tiến sĩ Trần Hương Quỳnh

*Giảng viên, trưởng bộ môn Ngôn ngữ học Anh,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*



Plant the Seeds of Love for English!

Reader's Bank ra đời với mục tiêu cơ bản là giúp học sinh nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua những đoạn văn thú vị và bổ ích. Tuy nhiên, đó không phải là mục tiêu duy nhất mà những người biên soạn bộ sách này hướng tới. Chúng tôi kỳ vọng nó có thể mang lại giá trị lớn lao hơn, đó là gieo vào lòng độc giả nhỏ tuổi hạt giống tình yêu dành cho môn tiếng Anh.

Vì lý do đó, Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh của chúng tôi đã bỏ rất nhiều công sức để tìm kiếm những đoạn văn thú vị, súc tích từ các nguồn tài liệu đa dạng nhằm khơi dậy ở trẻ sự tò mò, hấp dẫn đối với môn học này. Bên cạnh đó, bộ giáo trình cũng được thiết kế theo một trình tự thích hợp để học sinh có thể dần cải thiện năng lực học tập trên lớp, giúp các em nuôi dưỡng sự tự tin, lòng tự hào vào chính bản thân mình.

Chúng tôi thành tâm mong muốn những nỗ lực này thực sự có thể gieo vào lòng độc giả hạt giống tình yêu dành cho tiếng Anh. Theo thời gian, chúng sẽ dần đơm hoa kết trái. Biết đâu sau này, một độc giả nào đó sẽ nói với chúng tôi rằng: “Tôi đã yêu tiếng Anh nhờ bộ sách **Reader's Bank**”. Đó hẳn sẽ là niềm vui vô hạn đối với những người đã tham gia phát triển bộ sách.

Từ khi **Reader's Bank** ra đời và được dạy thí điểm tại lớp học, sau đó trải qua nhiều lần sửa đổi, cập nhật, bộ sách đã nhận được sự đóng góp nhiệt tình của rất nhiều gương mặt ưu tú. Tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Phát triển Nội dung thuộc Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh – những người đã rất nỗ lực để mang tới những bài đọc có nội dung phong phú và giàu cảm xúc; Quinn – tác giả người bản xứ đã dành hàng giờ cùng tôi chụm đầu chỉnh sửa bản in cho thật hoàn hảo; Richard Pak – giáo sư trường Đại học nữ sinh Sukmyung đã theo sát quá trình hiệu đính và biên tập; Chae Yeong In – tổng biên tập, một Hàn kiều đang sinh sống tại Mỹ. Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất đến giáo sư Kim In Soo – người thầy luôn nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển bộ sách này từ những ngày đầu tiên.

Tác giả

Lee Jang Dol



About Reader's Bank

Suốt bao năm qua, trên 14 triệu học sinh Hàn Quốc đã lựa chọn **Reader's Bank** để mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình. Được biết đến với cái tên đầy tự hào – “kinh thánh về đọc hiểu tiếng Anh” – **Reader's Bank** luôn xứng đáng với sự tin yêu của độc giả khi không ngừng cải thiện và phát triển các nội dung chất lượng cao nhằm mang tới cho người đọc những trải nghiệm học tập vui vẻ và hiệu quả nhất.

1 Hệ thống đọc hiểu 9 cấp độ phù hợp với năng lực

Reader's Bank được biên soạn theo các cấp độ từ thấp đến cao để phục vụ đối tượng là các học sinh từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Hãy chọn cuốn sách phù hợp với trình độ trong bộ sách có level từ 1 đến 9 với độ khó được xác định theo thang điểm Lexile, sau đó từng bước nâng cao dần qua các cấp độ. Năng lực đọc hiểu của các độc giả “nhí” sẽ tiến bộ vượt bậc đến mức chính các em cũng phải thấy ngạc nhiên.

2 Những bài đọc chất lượng cao với nội dung thú vị

Reader's Bank được xây dựng và phát triển qua một thời gian dài và luôn tuyển chọn những bài đọc có nội dung thú vị, hữu ích. Những văn bản đọc hiểu này đều kèm các câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ đắc lực cho học sinh trong việc tự học, đồng thời cung cấp những kiến thức liên quan đến chương trình học trên lớp. Các bài đọc được phân bố một cách cân bằng và hợp lý nhằm giúp người học đạt được mục tiêu ngắn hạn (nâng cao thành tích học tập trên lớp) và dài hạn (thi chuyển cấp, có năng lực đọc hiểu tiếng Anh tốt).

3 Bài tập đa dạng giúp cải thiện kỹ năng viết, nâng cao vốn từ và rèn luyện ngữ pháp

Người học có thể tự tra cứu vốn từ và ngữ pháp xuất hiện trong bài đọc thông qua phần Review Test. Ngoài ra, chỉ cần quét mã QR bên cạnh bài đọc, người học có thể dễ dàng luyện kỹ năng nghe thông qua file MP3 với giọng đọc của người bản xứ.

How to Study

Những bài đọc tiếng Anh thú vị

- Các bài đọc tiếng Anh bổ ích giúp làm giàu vốn tri thức
- Bài đọc có chủ đề phong phú được cả giáo viên và học sinh quan tâm
- Được đánh giá bởi đội ngũ chuyên gia người bản xứ và giáo viên giàu kinh nghiệm
- Mỗi bài đọc đều có biểu tượng ngôi sao để xác định độ khó cùng thông tin về số từ

Độ khó: ★★★ khó | ★★☆ vừa | ☆☆☆ dễ

Số từ: lượng từ xuất hiện trong bài đọc

- Mã QR cho file MP3

Quét mã QR ở đầu bài đọc để nghe file MP3 với giọng đọc của người bản xứ.

• Grammar Link

- Nhấn mạnh vào cấu trúc ngữ pháp chính xuất hiện trong bài đọc
- Cung cấp kiến thức ngữ pháp căn bản và bám sát nội dung học trên lớp

07

Psychology

★★★ (120 words)



A halo is a circle of light that appears around the sun or moon. It results from ice particles reflecting light in the atmosphere. The 'halo' affects the overall appearance of the sun or moon in a big way. The term 'halo effect' is used in psychology to describe a cognitive error in which one's first impression of a person can affect one's overall impression of that person.

_____ if you are impressed by someone's attractive appearance, you'll assume that all of their other aspects are outstanding. This is especially true in job interviews. "He's so charming, so he'll be a good salesman." "She speaks so well, so she'll make a great supervisor."

The opposite may also be true. Poor first impressions may cost you a potential job offer. This is called the 'devil effect.' A job applicant may be rejected because he or she gives a bad first impression by making little mistakes, such as *stammering* or having an *inappropriate* hairstyle.

Halo: vòng hào quang của Mặt trời, Mặt trăng



Động từ + Giới từ + đại từ quan hệ

That's the house. + I grew up in the house.
→ That's the house *in which* I grew up.
The boy is her brother. I talked to him.
→ The boy *to whom* I talked is her brother.
→ The boy *whom* I talked to is her brother.

Trong trường hợp đại từ quan hệ đứng sau tân ngữ, đại từ quan hệ hoặc đứng sau mệnh đề quan hệ.

34 | Reading book

English Only



Tăng độ khó với những bài sử dụng hoàn toàn tiếng Anh

Review Test



Kiểm tra từ vựng và ngữ pháp cuối mỗi UNIT

Word Hunter



Trò chơi ô chữ thú vị

Laugh & Think



Tranh vui bằng tiếng Anh

Câu hỏi đa dạng nhằm nêu bật trọng tâm

1 Đặc tính nổi bật nhất của halo effect được nhắc tới trong bài đọc là gì?

- Ta hợp lý hơn khi sai
- Chỉ nghĩ đến bias thái thành
- Luôn đánh giá mọi việc dựa trên vẻ ngoài
- Phản nhận từ cả những điều khác biệt với bias thái
- Nhận thấy cả chiều hướng tích cực từ một điểm tốt hoặc xấu

2 Cụm từ nào thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong bài đọc?

- In other words
- As a result
- For example
- In addition
- On the other hand

3 Nếu câu nói về halo effect, điểm H; nếu câu nói về devil effect, điểm D.

- An employee who comes to work late is considered a lazy worker.
- The increasing popularity of the iPhone has had a positive effect on the image of other Apple products.
- A person who is physically attractive is considered to have good relationships with others.
- Most teachers tend to think that dishonest students will not be good at studying.

4 Điền các từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành ba câu có nghĩa tương đương.

- The deal was not possible. My wife talking about the deal.
- The deal _____ we were talking was not possible.
 - The deal _____ we were talking _____ was not possible.

Did You Know?

Nếu ông halo-quang (Halo Effect)

Cụm từ "Halo effect" (hiệu ứng hào quang) bắt đầu từ năm 1920 và được đặt ra bởi một nhà tâm lý học người Mỹ là Thorndike vào năm 1920. Trong lý thuyết về halo effect, một người có một điểm tốt hoặc xấu sẽ ảnh hưởng đến cách ta nhìn nhận về các điểm khác của họ. Ví dụ, nếu một người có vẻ ngoài hấp dẫn, ta có thể nghĩ rằng họ cũng có những phẩm chất tốt khác.

Words

result (thông tin) kết quả của việc được gây ra bởi
particular (từ vựng) cụ thể
reflect (từ vựng) phản ánh
attribution (từ vựng) quy
affect (từ vựng) ảnh hưởng
overall (từ vựng) tổng thể
basis (từ vựng) cơ sở
cognitive (từ vựng) nhận thức
impression (từ vựng) ấn tượng
disappearance (từ vựng) biến mất
attractive (từ vựng) hấp dẫn
assume (từ vựng) giả định
misleading (từ vựng) gây hiểu lầm
superficial (từ vựng) hời hợt
significant (từ vựng) quan trọng
potential (từ vựng) tiềm năng
appropriate (từ vựng) thích hợp
deal (từ vựng) giao dịch

UNIT 31 35

• Những câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ học sinh hiểu sâu nội dung văn bản

• Câu hỏi tự luận sát với các dạng đề thi học thuật **Tự luận**

giúp học sinh làm quen với những dạng bài kèm sơ đồ và những câu hỏi yêu cầu nêu quan điểm.

• Câu hỏi về từ vựng **W**

được chọn lọc để làm rõ những từ/cụm từ quan trọng xuất hiện trong bài đọc

• Câu hỏi về ngữ pháp trọng tâm **G**

kiểm tra ngữ pháp đã học trong phần Grammar Link

• Did You Know?

Cung cấp kiến thức nền tảng thú vị, giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung bài đọc

• Words

Liệt kê các từ/cụm từ quan trọng trong bài đọc

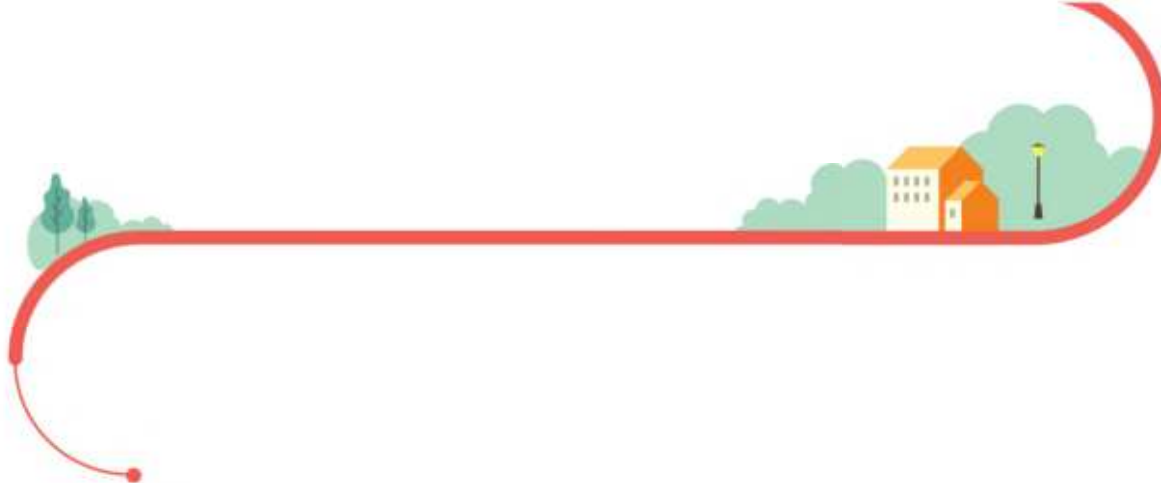
Đáp án và giải thích



Giải thích chi tiết, phân tích câu, phân tích cấu trúc

Lưu ý: Ký hiệu viết tắt các từ loại trong sách

Từ loại	Ký hiệu
danh từ (noun)	n
động từ (verb)	v
trạng từ (adverb)	adv
tính từ (adjective)	adj
đại từ (pronoun)	pron
giới từ (preposition)	prep
liên từ (conjunction)	conj
động từ khuyết thiếu (modal verb)	mv
từ hạn định (determiner)	det



Find Just Right Books with **Lexile**

Lexile là gì?

Lexile®Framework for Reading, hay Thang điểm Lexile cho Kỹ năng Đọc, được phát triển bởi công ty đo lường và công nghệ giáo dục Mỹ MetaMetrics®, là một công cụ được sử dụng để đo khả năng đọc hiểu tiếng Anh của người đọc và độ phức tạp của văn bản trên cùng một thang điểm. Ra đời từ năm 1989, đến nay thang điểm Lexile đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều trường học tại Mỹ và trên thế giới như một thước đo hiệu quả giúp giáo viên và phụ huynh tìm được những cuốn sách có độ khó phù hợp với trình độ đọc hiểu của học sinh nhằm hỗ trợ tối đa các em trong việc lĩnh hội kiến thức cũng như từng bước nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh.

Điểm Lexile nói gì với bạn?

Điểm Lexile được ký hiệu bằng chữ L đứng sau một con số (ví dụ, 600L = 600 Lexile). Thang điểm Lexile bao gồm các cấp độ từ BR300 tới hơn 2000L (trong đó BR, viết tắt của Beginning Reader, là chỉ số ở dưới mức 0L dành cho người mới bắt đầu đọc). Có hai loại điểm Lexile: điểm Lexile cho người đọc (khả năng đọc hiểu) và điểm Lexile cho văn bản (độ phức tạp của văn bản).

Bảng so sánh ở trang sau giúp bạn có một hình dung khái quát về điểm Lexile trong tương quan với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ GD&ĐT Việt Nam (KNLNNVN), khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (CEFR) và một số bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế.



Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam		Trình độ CEFR	Trình độ Cambridge English ¹	IELTS	Lexile
Chuẩn đầu ra môn Tiếng Anh ²	Bậc KNLNNVN ³				
Tốt nghiệp tiểu học	Bậc 1	A1	A1 Movers A2 Key for Schools 100-119		0L – 620L
Tốt nghiệp THCS	Bậc 2	A2	A2 Flyers A2 Key for Schools 120-139 B1 Preliminary for Schools 120-139		180L – 910L
Tốt nghiệp THPT	Bậc 3	B1	A2 Key for Schools 140-150 B1 Preliminary for Schools 140-159 B2 First for Schools 140-159	4.0 – 5.0	705L – 1210L
Tốt nghiệp CĐ chuyên ngữ	Bậc 4	B2	B1 Preliminary 160-170 B2 First 160-179 C1 Advanced 160-179	5.5 – 6.5	1000L – 1370L
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngữ	Bậc 5	C1	B2 First 200-210 C1 Advanced 180-199 C2 Proficiency 180-199	7.0 – 8.0	1290L – 1400L
	Bậc 6	C2	C1 Advanced 200-210 C2 Proficiency 200-230	8.5 – 9.0	1405L – 1595L

¹ Tên các chứng chỉ tiếng Anh Cambridge và kì thi tương ứng hiện đã được Hội khảo thí ĐH Cambridge (Anh) thay đổi so với tên trước đây (như KET, PET, FCE, CAE và CPE) để thể hiện mối quan hệ với Khung CEFR. Lưu ý: các chứng chỉ có cụm từ "for Schools" có bài thi được xây dựng với nội dung dành cho người học ở lứa tuổi học sinh.

² Bộ GD&ĐT Việt Nam (2018). Chương trình Giáo dục Phổ thông – Chương trình môn tiếng Anh (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

³ Bộ GD&ĐT Việt Nam (2014). Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Như ta có thể thấy, điểm Lexile của người học ở cùng một trình độ tiếng Anh có thể cách biệt nhau rất xa, thậm chí lên tới hơn 700 điểm. Trong khi đó, theo các chuyên gia, cuốn sách được coi là “lý tưởng” nhất với người đọc khi điểm Lexile của nó nằm trong khoảng thấp hơn 100 và cao hơn 50 so với điểm Lexile của người đó. Ví dụ, nếu điểm Lexile của bạn là 650L thì cuốn sách phù hợp với bạn sẽ nằm trong khoảng từ 550L đến 700L. Khi được tiếp cận với văn bản phù hợp với khả năng, người đọc sẽ lĩnh hội được đầy đủ nhất thông tin và kiến thức, tận hưởng cảm giác tự tin vào bản thân, vượt qua những thử thách vừa tầm và từng bước mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Xác định điểm Lexile bằng cách nào?

Tại Việt Nam, học sinh có thể biết được điểm Lexile của mình nếu trường các em học có tiến hành đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh thông qua bài thi xác định điểm Lexile; hoặc một số kỳ thi tiếng Anh quốc tế (ví dụ như TOEFL) có quy đổi kết quả bài thi đọc sang điểm Lexile, thông tin này có được ghi trên phiếu báo điểm.

Tuy nhiên, trong trường hợp các em chưa có điểm Lexile, phụ huynh có thể tự xác định bằng cách căn cứ vào trình độ tiếng Anh hiện tại của trẻ, chọn một số cuốn sách mà các em có thể đọc và hiểu dễ dàng dù vẫn gặp một vài từ mới. Sau đó, hãy xác định điểm Lexile của những cuốn sách này bằng cách nhập văn bản vào tùy chọn Lexile Analyzer trên trang web Lexile.com. Thông tin thu được sẽ giúp phụ huynh và học sinh có thêm căn cứ để lựa chọn sách vở và các nguồn tài liệu phù hợp cũng như đặt ra những mục tiêu vừa tầm để từng bước nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.



Contents

UNIT 01

01	Hiếu lăm từ hai chiếc xe giống hệt	Grammar Link tính từ vị ngữ	16
02	Khả năng của phụ nữ trong việc phát hiện lời nói dối	cấu trúc "liên từ + phân từ"	18
03	Chúng ta có thể thay đổi gen không?	so that + chủ ngữ + động từ	20
Review Test			22

UNIT 02

04	"Năm nghỉ phép"	Grammar Link advise/encourage/allow A to B	24
05	Sử dụng thực phẩm biến đổi gen liệu có ổn không?	thể bị động của câu chứa mệnh đề quan hệ đóng vai trò tân ngữ	26
06	Những câu chuyện phóng đại trong dân gian	English Only	28
Review Test			30
Word Hunter / Laugh & Think			31

UNIT 03

07	Hiệu ứng hào quang	Grammar Link giới từ + đại từ quan hệ	34
08	Đừng xâm phạm không gian cá nhân!	which + danh từ + to -động từ nguyên thể	36
09	Sự biến mất của từ vựng phân biệt giới	thể bị động của danh động từ	38
Review Test			40

UNIT 04

10	Bí quyết khỏe mạnh nhờ ăn ít	Grammar Link sự khác biệt giữa latter và later	42
11	Hoa Kỳ – đất nước kiện tụng	câu điều kiện loại 2 và loại 3	44
12	Genhis Khan – người kết nối Á-Âu	English Only	46
Review Test			48
Word Hunter / Laugh & Think			49

Contents

UNIT 05

13	Nỗ lực hơn năng lực	Grammar Link sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ	52
14	Hoóc-môn tình yêu: dopamine và oxytocin	help + động từ nguyên thể	54
15	Câu chuyện về Darwin	câu đảo ngữ với các trạng từ phủ định	56
Review Test			58

UNIT 06

16	Sai lầm khi diễn giải ngôn ngữ cơ thể	Grammar Link Just as ~, ...	60
17	Bí quyết thành công của Matsushita	cấu trúc phân từ lược bỏ being	62
18	Cách nói giảm nói tránh của người Mỹ	English Only	64
Review Test			66
Word Hunter / Laugh & Think			67

UNIT 07

19	Chú cá bị mắc kẹt trong nỗi sợ thất bại	Grammar Link would + động từ nguyên thể	70
20	Melatonin – hoóc-môn gây buồn ngủ	get + sb + to- động từ nguyên thể	72
21	Công nghệ nano sẽ thay đổi thế giới	(of) + danh từ	74
Review Test			76

UNIT 08

22	Điều cấm kỵ về giới hạn thời gian	Grammar Link have/get + sth + p.p.	78
23	Lincoln và câu chuyện con ngựa già	If it were not for + danh từ ~	80
24	Siêu vi khuẩn	English Only	82
Review Test			84
Word Hunter / Laugh & Think			85



UNIT 9

25 Bài kiểm tra của bác sỹ phẫu thuật	thì quá khứ hoàn thành	88
26 Chó và mèo phát hiện bệnh ung thư	chủ ngữ giả it , chủ ngữ thật là mệnh đề that	90
27 Doping máu	cách dùng đại từ quan hệ mang tính tiếp nối	92
Review Test		94

UNIT 10

28 Tầm quan trọng của phân	consider + tân ngữ + (to be) + bổ ngữ	96
29 Câu nói giúp mở lòng đối phương	mệnh đề chèn nằm trong mệnh đề quan hệ	98
30 Ý tưởng sinh ra từ giấc ngủ	English Only	100
Review Test		102
Word Hunter / Laugh & Think		103

UNIT 11

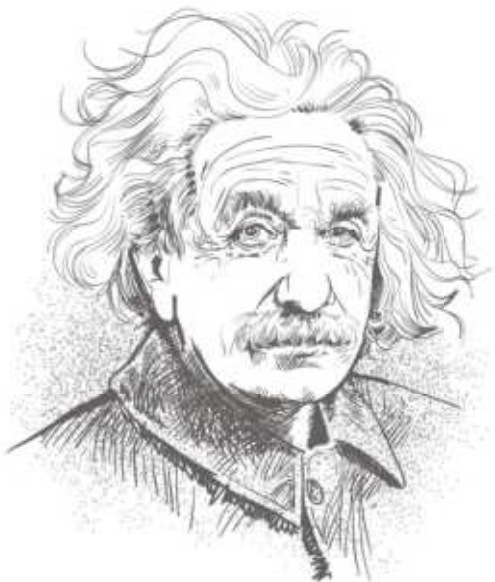
31 Không phải vụ cướp ngân hàng	đại từ those	106
32 Thuyết phục mà không phê phán	It is not that A but that B	108
33 May mắn hay bất hạnh?	should have p.p.	110
Review Test		112

UNIT 12

34 Cách tức giận thông thái	tính từ chỉ cảm xúc/nhận thức + mệnh đề that	114
35 Văn hóa làm việc khác biệt	thể bị động của thì hiện tại hoàn thành	116
36 Sự biến mất của những con ong mật	English Only	118
Review Test		120
Word Hunter / Laugh & Think		121
ANSWERS		123

“Try not to become a man of success,
but rather to become a man of value.”

Đừng cố trở thành người thành công,
mà hãy trở thành người có giá trị.
- Albert Einstein -



UNIT



01 | Hiểu lầm từ hai chiếc xe giống hệt

02 | Khả năng của phụ nữ trong việc phát hiện lời nói dối

03 | Chúng ta có thể thay đổi gen không?

01

Humor

☆☆☆ / 105 words



My husband used to work for a mobile library. He was often asked to take care of the two identical blue delivery vans. They were exactly alike and both even had broken 3 mirrors on the passenger side.

One day, the vehicles were low on fuel. He drove the first van to a nearby gas station and said to the attendant, “fill it 6 up.” Five minutes later, my husband returned with the second one. Again he gave the attendant a cheery “fill it up.” The attendant first looked at the van and then at my 9 husband. “How far did you travel for five minutes?” he asked.



Grammar Link

Dòng 3 | Tính từ bắt đầu bằng -a: alike, alive, alone, asleep

The twins are exactly alike. (o) They are alike twins. (x)

Họ là cặp sinh đôi giống hệt nhau.

I found three people alive. (o) I found three alive people. (x)

Tôi thấy ba người còn sống.

Nobody is at home. I am alone.

Thông thường, tính từ có thể đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ hoặc đứng sau và làm bổ ngữ cho chủ ngữ hoặc tân ngữ. Tuy nhiên, tính từ bắt đầu bằng a- không bao giờ đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ.

1 Câu "How far did you travel for five minutes?" trong bài đọc hàm ý chỉ điều gì?

- ① Dự đoán xe sẽ quay lại trong vòng 5 phút.
- ② Xe có khả năng đi tới nơi trong 5 phút.
- ③ Không biết làm sao xe có thể tiêu thụ hết nhiên liệu chỉ trong vòng 5 phút.
- ④ Khách hàng chỉ cần 5 phút là có thể đổ đầy xăng.
- ⑤ Mọi người chỉ cần đi thêm 5 phút nữa sẽ thấy một trạm xăng khác.

2 Ý nào dưới đây không đúng với nội dung bài đọc?

- ① Người chống làm việc tại một thư viện lưu động.
- ② Người chống quản lý hai chiếc xe giống hệt nhau.
- ③ Cả hai chiếc xe tải đều bị vỡ cửa kính ở cùng một bên ghế phụ.
- ④ Nhân viên trạm xăng cho rằng hai chiếc xe là một.
- ⑤ Hai chiếc xe tải đã cũ nên rất tốn xăng.



3 Tìm trong bài đọc từ có nghĩa như dưới đây.

a machine such as a car, bus or truck with an engine to carry people from place to place



4 Phần gạch chân của câu nào dưới đây không chính xác?

- ① I want to be alone today.
- ② Luckily, his mom is still alive.
- ③ Kelly and Jimmy are alike friends.

Words

used to: đã/từng ~
 mobile library: thư viện lưu động
 cf. mobile: (a) di động
 take care of: quản lý, trông coi
 identical: (a) giống hệt
 delivery van: xe giao hàng
 cf. delivery: sự giao hàng
 van: xe tải
 alike: (a) giống nhau
 passenger side: bên phía ghế phụ
 cf. passenger: (n) hành khách
 vehicle: (n) xe cộ
 low on fuel: sắp hết nhiên liệu
 nearby: (a) gần đó
 gas station: trạm xăng
 attendant: (n) nhân viên phục vụ
 fill up: làm đầy
 cheery: (a) vui vẻ

02

Psychology

★★☆ / 170 words



Women are superior to men in reading nonverbal messages. When it comes to strangers, however, they are no better than men in detecting truths and lies. Why would this be so? It might be because women are less suspicious than men and are more inclined to believe that the strangers are telling them the truth.

Let's try to explain how this works. Women are better than men in decoding the information someone wants to convey. During deception, however, liars try to hide their true feelings and thoughts. So when trying to detect a lie, observers should examine not only what someone wants to convey, but also what they might want to conceal. Perhaps, when women try to detect lies in strangers, they concentrate more on what that person is trying to _____, which may result in errors.

Women, however, appear to maintain their advantage over men in reading body language when they attempt to detect truths and lies by people they know, such as their romantic partners or friends.



Grammar Link

Dòng 10 | Cấu trúc "liên từ + phân từ"

When trying to detect a lie, observers should
(= When they try to detect a lie)
examine what someone wants to convey.

Though feeling very tired, we went on a picnic.
(= Though we felt very tired)

Liên từ kết hợp với phân từ được sử dụng nhằm nhấn mạnh nghĩa của mệnh đề.

Review Test

Answers: p.129

[1-2] Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống.

1 The use of credit cards will _____ the need for carrying cash.

- ① raise ② decode ③ maintain ④ eliminate

2 A gesture is a form of _____ communication which includes body movements.

- ① mobile ② cheery ③ academic ④ nonverbal

[3-4] Chọn từ mang nghĩa sau.

3 _____ exactly the same, or very similar

- ① common ② identical ③ widespread ④ suspicious

4 _____ the act of hiding the truth, especially to get an advantage

- ① scope ② racism ③ deception ④ characteristic

5 Phương án nào giải thích nghĩa của cụm từ chưa chính xác?

- ① take care of the van: quản lý xe tải ② be superior to others: kém hơn những người khác
③ fill up: làm đầy (nhiên liệu) ④ can afford the car: có khả năng mua được xe

6 Từ nào dưới đây không thể điền vào chỗ trống?

Roy and Jimmy are _____ friends.

- ① good ② old ③ alike ④ close

7 Điền từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành hai câu có nghĩa tương đương.

After I graduated from college, I made my dream come true as an artist.

= _____ from college, I made my dream come true as an artist.

8 Sắp xếp các từ tiếng Anh để tạo thành câu theo nghĩa cho trước.

Xin hãy ngồi gần lại một chút để chúng ta có thể nói chuyện.

_____ (a little closer / we can / so that / please sit / have a talk)



ANSWERS

01 Hiểu lầm từ hai chiếc xe giống hệt

p. 16~17

Đáp án 1 ③ 2 ⑤ 3 vehicle 4 ③

Giải thích

- 1 Câu gạch chân có nghĩa là "Anh đã đi bao xa trong vòng 5 phút vậy?" thể hiện sự bất ngờ của nhân viên bán xăng vì không biết làm thế nào người tài xế lại có thể tiêu thụ hết số xăng vừa mua chỉ trong vòng 5 phút. Do đó, ③ là đáp án đúng.
- 2 ① Tham khảo dòng 1 ② Tham khảo dòng 1-3
③ Tham khảo dòng 3-4
④ Nội dung dòng 9-10 cho biết sau khi nhìn thấy người tài xế lái chiếc xe thứ hai đến, nhân viên bán xăng thắc mắc rằng anh ta đã đi đâu trong vòng 5 phút qua, điều đó cho thấy anh chàng bán xăng đã nghĩ hai chiếc xe là một.
- 3 **vehicle**: xe cộ, phương tiện vận chuyển (xuất hiện ở dòng 5)
một cỗ máy ví dụ như ô tô, xe buýt hay xe tải có động cơ để chở người từ nơi này đến nơi khác
- 4 **alike, alone, alive** là tính từ bổ nghĩa cho chủ ngữ hoặc tân ngữ, chúng không bao giờ đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ như trong câu ③.
① Hôm nay tôi muốn ở một mình.
② Thật may mắn, mẹ anh ta vẫn còn sống.

Dịch nghĩa

Chồng tôi từng làm việc cho một thư viện lưu động. Anh ấy thường được giao quản lý hai chiếc xe giao hàng màu xanh lam giống hệt nhau. Chúng nhìn y chang nhau, thậm chí cả hai đều bị vỡ gương ở phía ghế phụ.

Một ngày nọ, hai chiếc xe đều gần hết xăng. Anh ấy lái chiếc xe thứ nhất tới trạm xăng gần đó và nói với nhân viên phục vụ, "cho đầy bình". Năm phút sau, chồng tôi quay lại với chiếc xe thứ hai. Một lần nữa, anh lại vui vẻ nói với nhân viên trạm xăng, "cho đầy bình". Anh chàng nhân viên nhìn chiếc xe tải, rồi lại nhìn chồng tôi. Anh ta hỏi: "Anh đã đi bao xa trong vòng 5 phút vậy?"

Phân tích câu

My husband ① **used to work** for a mobile library. / He was often asked / to take care of the

Chồng tôi từng làm việc cho một thư viện lưu động /

Anh ấy thường được đề nghị / quản lý hai chiếc xe tải

two identical blue delivery vans. / They were exactly alike / and both even had broken mirrors

giao hàng xanh lam giống hệt nhau /

Chúng giống hệt nhau /

và thậm chí cả hai đều bị vỡ gương

on the passenger side. / One day, / the vehicles were low on fuel. / He drove the first van to a

ở phía ghế phụ /

Một ngày nọ / các xe đều còn ít nhiên liệu /

Anh ấy lái chiếc xe tải thứ nhất tới một

nearby gas station / and said to the attendant, / ② **"fill it up."** / Five minutes later, / my

trạm xăng gần đó /

và nói với nhân viên phục vụ /

đổ đầy nó /

5 phút sau /

husband returned with the second ③ **one.** / Again he gave the attendant a cheery, / "fill it

chồng tôi quay lại với chiếc thứ hai /

Một lần nữa, anh ấy vui vẻ nói với nhân viên /

đổ đầy nó /

up." / The attendant first looked at the van / and then at my husband. / "How far did you

Nhân viên phục vụ ban đầu nhìn chiếc xe tải /

và sau đó nhìn chồng tôi /

Anh đã đi bao xa

travel for five minutes?" / he asked. /

trong 5 phút vậy? /

anh ta hỏi /

- ❶ **used to** + động từ nguyên thể: từng làm gì (thói quen trong quá khứ)
eg. I **used to ride** a bike when I was young. Tôi từng đi xe đạp khi còn nhỏ.
- ❷ **fill it up**: làm đầy (nhiên liệu xe)
- ❸ Đại từ **one** được sử dụng để thay thế cho danh từ đã xuất hiện trước đó nhằm tránh lặp từ. Ở đây, **one** dùng để chỉ **van**.

02

Khả năng của phụ nữ trong việc phát hiện lời nói dối

p. 18~19

Đáp án

1 ⑤ 2 (1) T (2) T (3) F 3 convey 4 When crossing, Crossing

Giải thích

1 Khi xác định độ thật giả trong lời nói của người lạ, phụ nữ tập trung vào thông điệp mà người đó truyền tải, nên họ có thể mắc sai lầm. Đây là điểm yếu của phụ nữ. Tuy nhiên, điểm mạnh của họ là có thể xác định lời nói dối của người quen thông qua ngôn ngữ cơ thể tốt hơn. Do đó, ⑤ "Điểm mạnh và điểm yếu của phụ nữ trong việc phát hiện lời nói dối" là đáp án thích hợp nhất.

- ① Các lỗi thường gặp trong việc phát hiện lời nói dối
- ② Các cách diễn giải thông điệp phi ngôn ngữ
- ③ Kỹ năng nói dối của phụ nữ tốt hơn nam giới
- ④ Cách phụ nữ phân biệt lời nói thật và nói dối

2 (1) Tham khảo dòng 1 (2) Tham khảo dòng 2-3
(3) Nội dung dòng 3-6 cho biết phụ nữ có xu hướng ít nghi ngờ và dễ tin lời của người lạ.

3 Dòng 10-12 cho biết khi xác định lời nói của ai đó là thật hay giả, chúng ta cần xem xét cả thông điệp người đó muốn truyền tải và thông điệp người đó cố che giấu. Nội dung phía sau chỗ trống cho biết sai lầm có thể phát sinh khi phụ nữ có xu hướng tập trung vào những gì người nói "truyền tải" (convey).

4 Trong cấu trúc phân từ, khi muốn nhấn mạnh ý của mệnh đề, ta giữ nguyên liên từ và lược bỏ chủ ngữ. Trong câu đã cho, liên từ **When** được giữ lại và chủ ngữ **you** bị lược bỏ, động từ chuyển sang dạng hiện tại phân từ **crossing**.

Khi liên từ được lược bỏ, hiện tại phân từ có thể đứng ở đầu câu, do đó **Crossing** là đáp án phù hợp để điền vào chỗ trống ở câu cuối.

Khi băng qua đường, bạn nên cẩn thận.

Dịch nghĩa

Phụ nữ có khả năng vượt trội hơn đàn ông trong việc đọc các thông điệp phi ngôn ngữ. Tuy nhiên, họ lại không giỏi hơn đàn ông trong việc nhận ra những lời nói dối và nói thật ở người lạ. Tại sao lại như vậy? Có thể là do phụ nữ không đa nghi bằng đàn ông và có xu hướng tin rằng người lạ đang nói thật với họ.

Hãy thử lý giải xem điều này xảy ra như thế nào. Phụ nữ giải mã thông tin mà một người muốn truyền tải tốt hơn đàn ông. Tuy nhiên, trong lúc nói dối, người ta thường cố che giấu cảm xúc và suy nghĩ thật của mình. Do đó, khi cố gắng phát hiện lời nói dối, người quan sát không nên chỉ xem xét những gì đối phương muốn truyền tải mà còn cả những gì họ muốn giấu giếm. Có lẽ khi cố gắng phát hiện lời nói dối ở người lạ, phụ nữ tập trung nhiều hơn vào những gì người đó cố gắng truyền tải, điều này có thể dẫn đến sai lầm.

Dù vậy, phụ nữ có vẻ vẫn giữ lợi thế so với đàn ông trong việc đọc vị ngôn ngữ cơ thể của đối phương khi cố gắng phát hiện sự thật và lời nói dối ở những người quen biết như người yêu hoặc bạn bè của họ.

Đáp án

- 1 ④ 2 ④ 3 ② 4 ③ 5 ② 6 ③ 7 After graduating 8 Please sit a little closer so that we can have a talk.

Giải thích

- 1 **eliminate**: xóa bỏ, triệt tiêu
Việc sử dụng thẻ tín dụng sẽ làm triệt tiêu nhu cầu mang theo tiền mặt.
① tạo nên ② giải mã ③ duy trì
- 2 **nonverbal**: phi ngôn ngữ
Cử chỉ là một dạng giao tiếp phi ngôn ngữ, nó bao gồm các cử động của cơ thể.
① di động ② hân hoan ③ hân lâm
- 3 **identical**: giống hệt
giống nhau hoàn toàn hoặc rất giống nhau
① phổ biến ③ lan rộng ④ đáng ngờ
- 4 **deception**: sự dối trá
hành động che giấu sự thật, đặc biệt là để đạt được lợi ích
① phạm vi ② nạn phân biệt chủng tộc ④ đặc điểm
- 5 **be superior to ~**: vượt trội hơn so với ~
- 6 Tính từ bắt đầu bằng **a-** như **alike, alive, alone** chỉ được sử dụng để bổ nghĩa cho chủ ngữ hoặc tân ngữ chứ không đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ.
Roy và Jimmy là những người bạn _____.
① tốt ② lâu năm ③ giống nhau ④ gần gũi
- 7 Trong cấu trúc phân từ, khi muốn nhấn mạnh ý nghĩa của mệnh đề, ta giữ nguyên liên từ **After**, lược bỏ chủ ngữ **I** và chuyển động từ thể chủ động sang dạng hiện tại phân từ **graduating**.
Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đã biến ước mơ làm nghệ sĩ của mình thành hiện thực.
- 8 Ta sử dụng cấu trúc "**so that** + chủ ngữ + động từ" mang nghĩa là "để ~".